

## NĂNG LỰC ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP REGGIO EMILIA CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON VÀO THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Nguyễn Thị Thủy Tiên<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 09/12/2025; Ngày phản biện thông qua: 21/12/2025; Ngày duyệt đăng: 15/01/2026

### TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm đánh giá mức độ nhận thức và năng lực ứng dụng hướng tiếp cận (HTC) Reggio Emilia trong dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Với phương pháp khảo sát định lượng, bảng hỏi được triển khai cho 255 sinh viên thuộc ba khóa đào tạo. Triết lý Reggio Emilia được vận hành dựa trên hệ thống các nguyên lý cốt lõi mang tính nhân văn sâu sắc: nhìn nhận trẻ em là trung tâm của mọi hoạt động giáo dục với sự tôn trọng tuyệt đối; thiết kế không gian môi trường đóng vai trò là ‘người thầy thứ ba’; ưu tiên mô hình học tập qua dự án; xác lập vị thế giáo viên là người đồng hành, cùng nghiên cứu với trẻ và thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ trong cộng đồng giáo dục (Edwards, Gandini & Forman, 1998; Rinaldi, 2006). Kết quả cho thấy nhận thức của sinh viên về Reggio Emilia chỉ ở mức trung bình; mặc dù hiểu được một số nội dung như nguyên tắc cốt lõi, quy trình tiếp cận hay ý nghĩa của phương pháp, sinh viên vẫn còn hạn chế ở những nội dung quan trọng như vai trò của giáo viên, biểu trưng triết lý và phương tiện tiếp cận. Năng lực ứng dụng cũng chỉ đạt mức trung bình (ĐTB = 3,28), trong đó kỹ năng quan sát và lắng nghe trẻ được thực hiện tốt nhất, còn các kỹ năng khác vẫn chưa được vận dụng hiệu quả. Dựa trên kết quả thực trạng, nghiên cứu đã đề xuất tăng cường lồng ghép nội dung Reggio Emilia vào chương trình đào tạo, cải thiện môi trường thực hành và nâng cao năng lực giảng viên nhằm hỗ trợ sinh viên vận dụng hiệu quả hơn trong dạy học mầm non.

**Từ khóa:** năng lực, phương pháp Reggio Emilia, sinh viên ngành giáo dục mầm non, hoạt động dạy học.

### 1 MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh giáo dục mầm non hiện đại, hướng tiếp cận Reggio Emilia được xem là một trong những triết lý giáo dục tiên tiến. Reggio Emilia nhấn mạnh vai trò chủ thể của trẻ, sự học thông qua trải nghiệm, tương tác xã hội và môi trường như “người thầy thứ ba” (Loris Malaguzzi, 1998). Các nghiên cứu kinh điển của Edwards et al. (1998) và Rinaldi (2006) đã xác lập nền tảng lý luận về “100 ngôn ngữ của trẻ”, khẳng định tầm quan trọng của việc lắng nghe và tư liệu hóa quá trình học tập. Biermeier (2015) nhấn mạnh rằng môi trường giáo dục không chỉ là không gian vật lý mà còn là mạng lưới các mối quan hệ giúp thúc đẩy chương trình học phát sinh. Cách tiếp cận này phù hợp với định hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm đang được triển khai rộng rãi ở Việt Nam hiện nay (Bộ GD&ĐT, 2018), bởi nó khuyến khích trẻ khám phá thế giới thông qua dự án, kích thích tư duy sáng tạo, phát triển năng lực giao tiếp và khả năng tự điều chỉnh hành vi. Reggio Emilia không chỉ mang tính nhân văn sâu sắc mà còn hòa hợp với đặc điểm phát triển nhận thức, cảm xúc của trẻ mầm non, giúp trẻ hình thành nền tảng học tập lâu dài thông qua trải nghiệm có ý nghĩa (Rinaldi, 2006).

Sinh viên ngành Giáo dục Mầm non giữ vai trò

quan trọng trong việc hiện thực hóa các triết lý và phương pháp giáo dục tiên tiến vào thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ. Vì vậy, năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia, đặc biệt trong thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học, trở thành một yêu cầu thiết yếu. Việc trang bị cho sinh viên khả năng quan sát trẻ, thiết kế môi trường mở, xây dựng hoạt động thiết kế giáo án thúc đẩy tương tác tích cực, giúp SV đáp ứng tốt hơn yêu cầu nghề nghiệp trong bối cảnh đổi mới chương trình GDMN. Năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động giáo dục mà còn góp phần định hình phong cách nghề nghiệp, khả năng sáng tạo và hiệu quả học tập trong quá trình đào tạo giáo viên.

### 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Các khái niệm công cụ

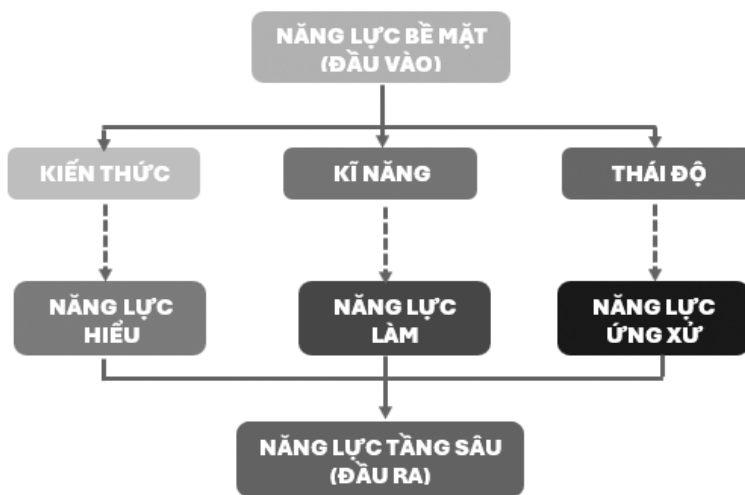
Năng lực là khả năng vận dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ để thực hiện nhiệm vụ học tập và giải quyết vấn đề của thực tiễn (Bộ GD&ĐT, 2018). Theo OECD năng lực là khả năng huy động kiến thức, kỹ năng, thái độ và các nguồn lực khác để đáp ứng yêu cầu phức hợp của hoàn cảnh thực tế (OECD, 2005). Theo Hoàng Hòa Bình (2015), cấu trúc bề mặt của năng lực với ba thành tố kiến thức, kỹ năng và thái độ tạo nên năng lực hiểu, năng lực

<sup>1</sup>Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thủy Tiên; Email: ntttien@ttn.edu.vn.

làm và năng lực ứng xử; và cấu trúc bề sâu liên quan đến các yếu tố nền tảng hơn. Cách tiếp cận hệ thống này mang lại cơ sở rõ ràng cho đánh giá năng lực trong dạy học, tuy nhiên năng lực chỉ có thể đo lường chính xác khi biểu hiện thành năng

lực cụ thể trong từng hoạt động (competency), và cần được xem xét trong mối quan hệ với động cơ, nhu cầu và bối cảnh của người học (Hoàng Hòa Bình, 2015).



**Hình 1. Cấu trúc của hệ thống năng lực (nguồn: Hoàng Hòa Bình, 2015, tr.27)**

Trong nghiên cứu giáo dục, nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia được hiểu là hệ thống những hiểu biết, quan điểm và sự thấu hiểu của người học (sinh viên, giáo viên) về các nguyên tắc triết lý và thực hành sư phạm đặc thù của mô hình giáo dục Reggio Emilia (Edwards et al., 2012). Nhận thức về Reggio Emilia không chỉ là việc ghi nhớ các kỹ thuật dạy học, mà là sự thay đổi trong tư duy về bản chất của trẻ em và quá trình học tập. Nó bao hàm việc thừa nhận trẻ em là những chủ thể có quyền, có năng lực và là người cùng kiến tạo tri thức (Rinaldi, 2006). Năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia là khả năng của sinh viên ngành trong việc huy động kiến thức, kỹ năng và thái độ liên quan đến triết lý Reggio Emilia để thiết kế - tổ chức - đánh giá các hoạt động dạy học mầm non một cách hiệu quả.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi làm công cụ chủ đạo nhằm thu thập dữ liệu có hệ thống và bao quát các biến nghiên cứu. Bảng hỏi được xây dựng qua hai giai đoạn: giai đoạn đầu khảo sát thử bằng bảng hỏi mở để thu thập ý kiến sơ bộ và điều chỉnh nội dung; giai đoạn sau hoàn thiện bảng hỏi chính thức dựa trên kết quả khảo sát ban đầu. Đồng thời, phương pháp phỏng vấn sâu được tiến hành sau khi phân tích số liệu định lượng nhằm lý giải nguyên nhân kết quả và bổ sung chiều sâu cho dữ liệu. Ngoài ra, phương pháp thống kê toán học và phần mềm SPSS được áp dụng để xử lý, phân tích dữ liệu qua các chỉ số như điểm trung bình, độ lệch chuẩn, thứ hạng trung bình và tỉ lệ phần trăm trên thang đo Likert năm bậc, phản ánh khách quan các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực ứng dụng HTCRE

vào hoạt động thiết kế giáo án của sinh viên.

**2.2.1. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu**

Chúng tôi đã triển khai trên 255 SV ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Tây Nguyên. Việc tính toán của mẫu dựa trên công thức tính số lượng mẫu của Slovin với các độ sai số 0,05, độ tin cậy 95%. Phương pháp chọn mẫu dựa trên cách lấy mẫu thuận tiện. SV được mời tham gia trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 30/6/2025.

**2.2.2. Công cụ nghiên cứu**

Công cụ điều tra năng lực ứng dụng PPRE vào hoạt động thiết kế giáo án dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non được chúng tôi nghiên cứu gồm các phần: (1) năng lực nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia (10 ý hỏi), (2) năng lực ứng dụng hướng tiếp cận của sinh viên vào dạy học Reggio Emilia (10 ý hỏi). Ngoài ra, chúng tôi còn khảo sát các yếu tố ảnh hưởng kỹ năng ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của SV trong dạy học (14 ý hỏi). Với hệ số Cronbach's Alpha lần lượt là: 0,79; 0,72; 0,87. Tất cả các tiêu thang đo đều đáp ứng đột in cậy ở mức tốt.

Phần đánh giá nhận thức được xây dựng với điểm tối đa là 8 và tối thiểu là 0, được chia thành năm mức dựa trên khoảng cách 1,6 điểm giữa các mức. Mức Rất thấp nằm trong khoảng 0,0–1,5 điểm; mức Thấp từ 1,6–3,1 điểm; mức Trung bình từ 3,2–4,7 điểm; mức Cao từ 4,8–6,3 điểm; và mức Rất cao từ 6,4–8,0 điểm.

Thang đo hành động và các YTAH được thiết kế với điểm tối đa là 5 và tối thiểu là 1, chia thành năm mức dựa trên khoảng cách 0,8 điểm giữa các

mức. Mức Rất thấp nằm trong khoảng 1,0–1,7 điểm; mức Thấp từ 1,8–2,5 điểm; mức Trung bình từ 2,6–3,3 điểm; mức Cao từ 3,4–4,1 điểm; và

mức Rất cao từ 4,2–5,0 điểm.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm nhân khẩu của người tham gia

**Bảng 1. Đặc tính thành phần mẫu nghiên cứu**

Biến	Thuộc tính	Tần số Số lượng	Tần suất %
Khóa	K23	95	37,3
	K22	85	33,3
	K21	75	29,4
Nguyên quán	Thành thị	24	9,4
	Nông thôn	231	90,6
Gia đình có nghề GDMN	Có	71	27,8
	Không	184	72,2

Kết quả nghiên cứu cho thấy tổng số SV tham gia nghiên cứu là 255 sinh viên. Xét theo Khóa, có 3 Khóa tương ứng với 3 năm học. Số lượng K23 có (95 SV), K22 có (85 SV), K21 có (75 SV). Xét theo Nguyên Quán có 24 SV ở tại thành thị chiếm 9,4%. Còn lại 90,0% (231SV) sinh viên ở tại nông thôn. Xét theo Gia đình có nghề GVMN, Có 184 sinh viên không có thành viên trong gia đình theo nghề GVMN chiếm 72,2% và chỉ có 71 sinh viên có gia đình theo nghề GVMN chiếm 27,8%.

Biến Nguyên quán và Gia đình có nghề GDMN có tỷ lệ chênh lệch cao. Cụ thể Là đối với biến Nguyên quán: Sinh viên nông thôn chiếm đến 90,6% còn sinh viên thành thị chỉ chiếm 9,6%. Biến Gia đình có nghề GDMN chỉ chiếm 27,8%. Nguyên nhân do bảng hỏi sử dụng theo cơ chế chọn mẫu thuận tiện vì vậy dẫn đến hiện tượng lệch mẫu. Vì vậy chúng tôi chọn hướng nghiên cứu theo định lượng là phương pháp

chính nhằm hạn chế hiện tượng lệch mẫu. Và cụ thể các biến mà chúng tôi lựa chọn là điểm trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm đáp án lựa chọn.

#### 3.2. Năng lực nhận thức ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Năng lực nhận thức của sinh viên được chúng tôi thăm dò thông qua 10 nội dung và sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ từ hoàn toàn không biết đến hoàn toàn biết rõ.. Năng lực nhận thức của sinh viên được chúng tôi thăm dò thông qua hệ thống 10 câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra kiến thức khách quan về triết lý Reggio Emilia. Kết quả được ghi nhận dựa trên tần số và tỷ lệ phần trăm câu trả lời đúng của sinh viên tại mỗi nội dung. Mức độ nhận thức chung được quy đổi dựa trên tổng điểm đạt được (tối đa 8 điểm). Thực trạng năng lực nhận thức của sinh viên được báo cáo trong Bảng 2.

**Bảng 2. Thực trạng nhận thức về dạy học theo hướng tiếp cận Reggio Emilia của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non**

Nội dung	Kết quả nhận thức		Thứ hạng
	Tần số	Tần suất	
2.1. Người sáng lập ra Reggio Emilia	100	39,2	8
2.2. Biểu ngữ thể hiện triết lý giáo dục Reggio Emilia	113	44,3	7
2.3. Nguyên tắc cốt lõi khi ứng dụng Reggio Emilia vào hoạt động dạy học	176	69	1
2.4. Ý nghĩa của hướng tiếp cận Reggio Emilia trong giáo dục mầm non	143	56,1	3
2.5. Vai trò của đứa trẻ trong mô hình giáo dục Reggio Emilia	137	53,7	4
2.6. Vai trò của giáo viên trong mô hình giáo dục Reggio Emilia	0	0	10
2.7. Vai trò của môi trường trong mô hình giáo dục Reggio Emilia	129	50,6	5
2.8. Nhận nhận vị trí người học trong Reggio Emilia	126	49,4	6
2.9. Các phương tiện tiếp cận Reggio Emilia trong giáo dục mầm non	47	18,4	9
2.10. Các bước quy trình tiếp cận Reggio Emilia	150	58,8	2
<b>Tỷ lệ % trả lời đúng</b>	<b>4,39</b>	<b>Mức</b>	<b>Trung bình</b>

*Ghi chú: Kết quả tại cột Tần số và Tần suất phản ánh số lượng và tỷ lệ sinh viên có câu trả lời chính xác cho nội dung kiểm tra tương ứng.*

Dựa vào Bảng 2 cho thấy, không có bất kỳ câu nào sinh viên kết quả nhận thức ở mức tốt 100%. Đồng thời kết quả khảo sát cho thấy Tần số mức độ hiểu biết chung đạt mức trung bình với ĐTB là 4,39. Sinh viên đã có nhận thức về PPRE tuy nhiên mức độ nhận thức chưa cao.

Một số nội dung có tỷ lệ SV trả lời đúng nằm ở mức cao là “Nguyên tắc cốt lõi khi ứng dụng Reggio Emilia vào hoạt động dạy học” có tỷ lệ chiếm 69% (179 SV), xếp hạng 1, “Các bước quy trình tiếp cận Reggio Emilia” đạt 58,8% (150 SV), xếp hạng 2, và “Ý nghĩa của hướng tiếp cận Reggio Emilia trong giáo dục mầm non” đạt 56,1% (143 SV), xếp thứ 3. Cho thấy sinh viên nhận thức khá rõ về một số nội dung theo triết lý Reggio Emilia như: tôn trọng tính cá nhân, đề cao vai trò của trải nghiệm và sự tham gia tích cực của trẻ. Tuy nhiên tần số trả lời đúng của SV ở các nội dung khác lại chỉ ở mức trung bình, cụ thể: Ở nội dung “Vai trò của đứa trẻ” chiếm 53,7% (137 SV), xếp hạng 4; “Vai trò của môi trường” chiếm 50,6% (129 SV), xếp hạng 5 và “Nhìn nhận vị trí người học trong Reggio Emilia”

chiếm 49,4% (126 SV), xếp hạng 6; Các nội dung còn lại tần số SV trả lời đúng ở mức thấp và rất thấp như: “Biểu trưng thể hiện triết lý giáo dục Reggio Emilia” chiếm tỷ lệ 44,3% (113 SV), xếp hạng 7; “Người sáng lập ra Reggio Emilia” chiếm tỷ lệ 39,2 % (100 SV), xếp hạng 8; “Các phương tiện tiếp cận Reggio Emilia trong giáo dục mầm non” chỉ chiếm 18,4% (9SV), xếp hạng 9; Trong 10 nội dung, xếp hạng cuối là nội dung “ Vai trò của giáo viên với tỷ lệ 0% (0 SV). Điều này phản ánh sự thiếu hiểu biết về vai trò then chốt của giáo viên. Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy sinh viên bước đầu nắm được kiến thức về HTC Reggio Emilia. Tuy nhiên mức độ nhận thức còn ở mức độ trung bình phản ánh việc còn nhiều khoảng trống về HCT Reggio Emilia trong sinh viên.

### 3.3. Năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Năng lực ứng dụng của sinh viên được chúng tôi thăm dò thông qua 10 nội dung và được báo cáo trong Bảng 3.

**Bảng 3. Năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào hoạt động dạy học**

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất lựa chọn				
				1	2	3	4	5
3,1, Tìm hiểu triết lý Reggio Emilia	3,07	Trung bình	,988	3,9	24,3	42,4	20,0	9,4
3,2, Thiết kế các dự án dạy học	3,24	Trung bình	1,017	4,3	16,9	41,6	24,7	12,5
3,3, Triển khai các hoạt động dạy học theo dạy học dự án	3,23	Trung bình	1,017	4,3	17,6	41,2	24,7	12,2
3,4, Lập bảng điều tra (những điều trẻ đã biết, muốn biết, hướng giải quyết)	3,22	Trung bình	,970	3,1	18,8	41,6	26,3	10,2
3,5, Thiết kế hoạt động kích thích sự tương tác, tò mò, khám phá, giao tiếp.	3,26	Trung bình	,995	3,9	16,9	39,2	29,0	11,0
3,6, Xây dựng môi trường dạy học có tính mở và tính kết nối	3,34	Trung bình	1,014	3,5	15,7	38,0	29,0	13,7
3,7, Quan sát và lắng nghe trẻ	3,43	Cao	,985	2,4	13,7	38,0	30,6	15,3
3,8, Tạo không gian giao tiếp và hợp tác	3,38	Trung bình	1,008	2,7	15,3	38,8	27,8	15,3
3,9, Tăng cường sự tham gia của phụ huynh	3,35	Trung bình	,985	3,1	14,1	40,4	29,0	13,3
3,10, Đánh giá trẻ qua Documentation, Portfolio	3,30	Trung bình	0,999	3,1	17,6	37,6	29,4	12,2
<b>Độ lệch chuẩn (SD)</b>			3,280	Mức độ		Trung bình		

*Ghi chú: 1 Không bao giờ; 2 Hiếm khi; 3 Thỉnh thoảng; 4 Thường xuyên; 5 Luôn luôn.*

Kết quả ở Bảng 3 cho thấy độ lệch chuẩn (SD = 0,988 > 0,8) phản ánh sự không đồng đều trong mức độ thực hiện các hành động ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của sinh viên. Mặc dù phần lớn sinh viên có nhận thức tương tự về triết lý Reggio Emilia, nhưng điểm trung bình chỉ đạt mức Trung bình, cho thấy các em mới dừng lại ở

việc tiếp cận lý thuyết mà chưa hiểu sâu bản chất của phương pháp.

Điểm trung bình chung của mười nội dung khảo sát đạt ĐTB = 3,28 (mức Trung bình), phản ánh kỹ năng ứng dụng REA vào dạy học của sinh viên chưa cao. Kỹ năng được thực hiện tốt nhất là quan sát và lắng nghe trẻ (ĐTB = 3,43), tiếp

đến là xây dựng môi trường mở, tăng cường sự tham gia của phụ huynh và tạo không gian hợp tác (ĐTB từ 3,34 đến 3,38). Các kỹ năng còn lại – như tìm hiểu triết lý (3,07), thiết kế – triển khai dự án (3,23–3,24), lập bảng KWL (3,22), thiết kế hoạt động tương tác (3,26) và đánh giá qua documentation (3,30) – đều ở mức trung bình, cho thấy sinh viên hiểu quy trình cơ bản nhưng thiếu trải nghiệm thực hành thực tế.

Xét tần suất lựa chọn mức độ thực hiện, kết quả cho thấy đa số sinh viên chỉ “thỉnh thoảng” ứng dụng, với tần suất cao nhất ở nội dung tìm hiểu triết lý Reggio Emilia (42,4%). Ở chiều ngược lại, mức “rất thường xuyên” chỉ dao động từ 9,4% đến 15,3%, phản ánh sự không đồng đều rõ rệt trong hành vi ứng dụng phương pháp.

Phỏng vấn 15 sinh viên cho thấy các em đều nhận thức được ý nghĩa tích cực của hướng tiếp cận Reggio Emilia, song mức độ vận dụng thực tế còn hạn chế, phù hợp với kết quả định lượng (ĐTB chung = 3,28). Một số sinh viên chưa nắm được quy trình ứng dụng cụ thể, nhiều em chỉ biết đến phương

pháp qua giảng viên hoặc tài liệu rời rạc và thiếu cơ hội quan sát thực hành tại các cơ sở mầm non.

Tổng thể, mức độ ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của sinh viên ở mức trung bình và chưa đồng đều. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết của việc lồng ghép phương pháp vào các học phần, tăng cường liên kết với cơ sở thực hành và mở rộng cơ hội trải nghiệm thực tế nhằm nâng cao năng lực vận dụng của sinh viên.

### 3.4. So sánh điểm trung bình theo các biến phạm trù

Để làm sáng tỏ đặc điểm về năng lực nhận thức và năng lực kỹ năng ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của sinh viên trong dạy học, chúng tôi đã phân tích hai biến điểm trung bình chung theo các nhóm biến phạm trù, kết quả thu được sẽ trình bày theo từng nhóm biến.

#### \* Xét theo biến Năm học

Do biến Năm học có bốn thuộc tính nên chúng tôi đã chọn kiểm nghiệm Anova kèm kiểm nghiệm phương sai đồng nhất và hậu kiểm LSD để thực hiện.

**Bảng 4. So sánh điểm trung bình theo các biến Năm học**

Chuyên ngành	Thuộc tính	N	ĐTB	F	Sig
M_NhanThuc	Năm 2	95	3,97	5,13	0,007
	Năm 3	85	4,95		
	Năm 4	75	4,31		
M_HanhDong	Năm 2	95	3,50	5,49	0,005
	Năm 3	85	3,07		
	Năm 4	75	3,23		

Dựa vào kết quả kiểm nghiệm Anova, có sự khác biệt về năng lực nhận thức hướng tiếp cận Reggio Emilia giữa các nhóm SV khi phân theo năm học ( $\text{sig} = 0,007 < 0,05$ ). Cụ thể, hậu kiểm LSD chỉ ra rằng: sinh viên năm 3, năm 4 có nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia cao hơn sinh viên năm 2. Không có sự khác biệt về nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia giữa sinh viên năm 4 và sinh viên năm 3.

Nhằm đánh giá sự khác biệt trong năng lực nhận thức và năng lực ứng dụng hướng tiếp cận của sinh viên theo Năm học. Chúng tôi tiến hành

phỏng vấn sâu 15 sinh viên trong đó có 5 sinh viên năm 2, 5 sinh viên năm 3 và 5 sinh viên năm 4. Kết quả thu được cụ thể là: Đối với sinh viên năm 3, và năm 4 có được nhắc tới hướng tiếp cận Reggio Emilia trong một vài học phần. Sinh viên được yêu cầu tự tìm hiểu thông tin về hướng tiếp cận trên. Vì vậy có thể đánh giá việc lồng ghép các nội dung về hướng tiếp cận Reggio Emilia vào các học phần giảng dạy. Đồng thời giao nhiệm vụ cho sinh viên là biện pháp khá phù hợp cho việc nâng cao năng lực nhận thức và kỹ năng ứng dụng của sinh viên.

#### \* Xét theo biến Nguyên quán

**Bảng 5. So sánh điểm trung bình theo các biến Nguyên quán**

Nội dung	Thuộc tính	N	ĐTB	t	Sig
M_NhanThuc	Thành thị	24	4,17	-0,55	0,058
	Nông thôn	231	4,42		
M_HanhDong	Thành thị	24	2,95	-2,25	0,03
	Nông thôn	231	3,31		

Ghi chú: Kết quả được kiểm chứng bổ sung bằng kiểm định phi tham số Mann-Whitney U, cho giá trị  $p < 0,05$ , tương đồng với kết quả t-test

Kết quả kiểm định t-test cho thấy có sự khác biệt về năng lực ứng dụng giữa sinh viên nông thôn và thành thị ( $Sig = 0,03 < 0,05$ )<sup>6</sup>. Tuy nhiên, do có sự chênh lệch lớn về kích thước mẫu giữa hai nhóm (90,6% và 9,4%), tác giả đã tiến hành kiểm chứng bổ sung bằng kiểm định phi tham số Mann-Whitney U. Kết quả kiểm định này cho giá trị  $S_p < 0,05$ , khẳng định tính ổn định của sự khác biệt đã nêu.

Sự khác biệt này có thể được lý giải thông qua đặc điểm môi trường học tập và thực hành. Sinh viên vùng nông thôn, mặc dù đối mặt với điều kiện

cơ sở vật chất hạn chế, lại có xu hướng chủ động hơn trong việc thích ứng và huy động các nguồn lực vật liệu tự nhiên sẵn có tại địa phương (Nguyễn Phước Anh, 2020). Điều này vô hình trung phù hợp với nguyên lý cốt lõi của Reggio Emilia về việc tận dụng học liệu mở từ thiên nhiên và xem môi trường là ‘người thầy thứ ba’ (Edwards et al., 1998; Rinaldi, 2006). Đây là yếu tố thúc đẩy năng lực thực hành cao hơn dù nhận thức lý thuyết không có sự chênh lệch rõ rệt so với nhóm thành thị.

\* Xét theo biến Nghề gia đình

**Bảng 6. So sánh điểm trung bình theo các biến Nghề gia đình**

Nội dung	Thuộc tính	N	ĐTB	t	Sig
M_NhanThuc	Có	71	4,42	0,12	0,014
	Không	184	4,39		
M_HanhDong	Có	71	3,25	-0,39	0,069
	Nông thôn	231	3,31		

Kết quả ở Bảng 6. cho thấy: Có sự khác biệt về năng lực nhận thức giữa các nhóm sinh viên về hướng tiếp cận Reggio Emilia khi phân theo nghề truyền thống gia đình ( $sig = 0,014 < 0,05$ ). Cụ thể, Sinh viên có người trong gia đình làm nghề Giáo dục Mầm non sẽ có nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia cao hơn ( $MD=0,04$ ) nhóm còn lại. Mặc dù sinh viên có người thân trong nghề có xu hướng đạt điểm trung bình thấp hơn một chút ( $ĐTB = 3,25$  so với  $ĐTB = 3,31$  ở nhóm còn lại), sự khác biệt này không đủ lớn để khẳng định bằng chứng thống kê. Điều đó cho thấy, dù nhận thức cao hơn, song việc chuyển hóa năng lực nhận thức thành năng lực ứng dụng thực tế vẫn còn hạn chế, có thể do ảnh hưởng của thời lượng thực hành, cơ hội tiếp cận mô hình Reggio Emilia, hoặc điều kiện học tập khác nhau.

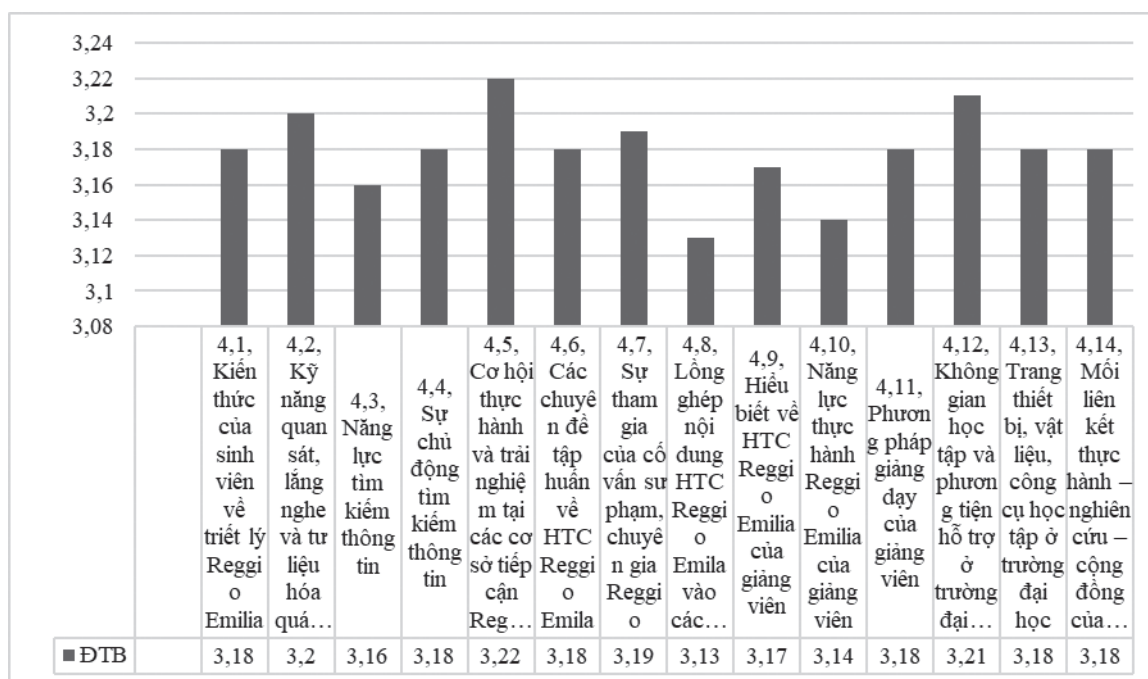
Nhằm làm rõ nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong nhận thức về hướng tiếp cận Reggio Emilia giữa sinh viên có và không có người thân làm trong ngành giáo dục mầm non, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu một số sinh viên thuộc hai nhóm. Kết quả cho thấy, sinh viên có người thân trong nghề thường được tiếp xúc sớm với môi trường sư phạm, được nghe chia sẻ về các phương pháp giáo dục hiện đại, triết lý “lấy trẻ làm trung tâm”, hoặc được trực tiếp quan sát hoạt động dạy học tại cơ sở mầm non. Những trải nghiệm này giúp SV có cơ hội được tìm hiểu và tiếp cận Mô hình Reggio Emilia. Trong khi đó, nhóm SV không có nền

tảng gia đình trong nghề chủ yếu tiếp cận kiến thức qua việc lồng ghép nhắc đến trong các học phần lý thuyết. Điều này lý giải cho sự chênh lệch đáng kể trong nhận thức được thể hiện ở kết quả định lượng.

Như vậy, kết quả này phản ánh tác động gián tiếp nhưng đáng kể của nền tảng gia đình có liên quan đến nghề giáo dục mầm non đối với nhận thức sư phạm của sinh viên, đồng thời đề nâng cao kỹ năng hành động, cần tăng cường trải nghiệm thực tiễn và rèn luyện ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong các học phần và đợt thực tập.

### 3.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào dạy học của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non

Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của SV được chúng tôi điều tra bằng hình thức tự đánh giá của SV thông qua các nội dung. Cụ thể trong Biểu đồ 1



**Biểu đồ 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia vào dạy học của sinh viên**

Dựa vào Biểu đồ 1, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia của SV đều ở mức cao và rất cao (>3.14). Trong đó, yếu tố có ảnh hưởng cao nhất là Cơ hội thực hành và trải nghiệm tại các cơ sở tiếp cận Reggio Emilia (ĐTB = 3,22). Ở các thứ hạng tiếp theo lần lượt là: Không gian học tập và phương tiện hỗ trợ ở trường đại học (ĐTB = 3,21; hạng 2); Kỹ năng quan sát, lắng nghe và tư liệu hóa quá trình học tập (ĐTB = 3,20; hạng 3); Sự tham gia của cố vấn sư phạm, chuyên gia Reggio (ĐTB = 3,19; hạng 4); Kiến thức của sinh viên về triết lý Reggio Emilia; Sự chủ động tìm kiếm thông tin; Các chuyên đề tập huấn về HTC Reggio Emilia; Phương pháp giảng dạy của giảng viên; Trang thiết bị, vật liệu, công cụ học tập ở trường đại học; Môi liên kết thực hành – nghiên cứu – cộng đồng của trường đại học (ĐTB = 3,18; hạng 5); Hiểu biết về HTC Reggio Emilia của giảng viên (ĐTB = 3,17; hạng 6); Năng lực tìm kiếm thông tin (ĐTB = 3,16; hạng 7); Năng lực thực hành Reggio Emilia của giảng viên (ĐTB = 3,14; hạng 8); Lòng ghép nội dung HTC Reggio Emilia vào các học phần trong chương trình GDMN (ĐTB = 3,13; hạng 9);

#### 4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định, đặc biệt là hiện tượng lệch mẫu trong quá trình khảo sát thuận tiện dẫn đến sự chênh lệch lớn về tỷ lệ sinh viên theo nguyên quán. Mặc dù tác giả đã sử dụng các phép kiểm định bổ sung để đảm bảo tính chính xác của các so sánh thống kê, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng cỡ mẫu và cân

bằng các đặc điểm nhân khẩu học để có cái nhìn toàn diện hơn về năng lực ứng dụng phương pháp Reggio Emilia của sinh viên mầm non trên bình diện rộng

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên ngành Giáo dục Mầm non đã có nhận thức ban đầu về hướng tiếp cận Reggio Emilia nhưng mức độ hiểu biết và vận dụng còn hạn chế. Mặc dù một số nội dung cốt lõi như nguyên tắc, quy trình và ý nghĩa của phương pháp được nắm tương đối tốt, nhiều kiến thức quan trọng khác – đặc biệt là vai trò của giáo viên và các phương tiện tiếp cận – lại được hiểu chưa đầy đủ. Năng lực ứng dụng của sinh viên chỉ đạt mức trung bình (ĐTB = 3.28), phần lớn mới dừng lại ở mức vận dụng “thỉnh thoảng”, cho thấy sự thiếu trải nghiệm thực hành và tiếp xúc trực tiếp với mô hình Reggio Emilia trong môi trường mầm non. Kết quả phỏng vấn khẳng định nguyên nhân chủ yếu nằm ở cơ hội thực hành hạn chế, tài liệu học tập rời rạc và sự hỗ trợ chưa thường xuyên từ giảng viên hoặc cơ sở thực tập. Nhìn chung, sinh viên có nền tảng nhận thức nhất định nhưng chưa đủ sâu và chưa chuyên hóa hiệu quả thành năng lực thực hành, cho thấy nhu cầu cấp thiết phải tăng cường trải nghiệm thực tế, cải thiện chương trình đào tạo và tạo môi trường học tập gắn với mô hình Reggio Emilia để nâng cao năng lực vận dụng của sinh viên.

Dựa trên kết quả thực trạng, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị sau:

Đối với Nhà trường: cần đẩy mạnh lòng ghép nội dung Reggio Emilia vào chương trình

đào tạo, đặc biệt trong các học phần phương pháp và thực hành nghề nghiệp. Tăng cường thiết kế tình huống mô phỏng, học theo dự án và tổ chức hoạt động thực nghiệm tại lớp học mẫu Reggio nhằm tạo cơ hội cho sinh viên trải nghiệm trực tiếp;

Đối với giảng viên: cần cập nhật triết lý, phương pháp và minh chứng thực tiễn của Reggio Emilia để truyền đạt rõ ràng, đồng thời sử dụng các phương pháp dạy học tích cực như quan sát, phân hồi, sắm vai và giả lập tình huống lớp học phù hợp. Việc tư vấn, hướng dẫn cá nhân hóa cho sinh viên cũng cần được đẩy mạnh để nâng cao năng lực thực hành;

Đối với đơn vị liên kết thực hành, thực tập: cần tăng cường liên kết với các cơ sở giáo dục mầm non theo mô hình Reggio Emilia, tạo điều kiện cho sinh viên tham quan, kiến tập và thực tập trong môi trường thực tế. Đây là yếu tố được sinh viên đánh giá có ảnh hưởng mạnh nhất đến năng lực ứng dụng;

Đối với sinh viên: cần chủ động tìm hiểu tài liệu, tham gia các khóa bồi dưỡng, hội thảo, chuyên đề về Reggio Emilia; đồng thời tích cực

luyện tập các kỹ năng quan sát, ghi chép và thiết kế hoạt động học theo dự án. Tinh thần tự học và tìm kiếm trải nghiệm thực tế sẽ hỗ trợ quan trọng cho quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp.

Việc nâng cao năng lực ứng dụng phương pháp Reggio Emilia cho sinh viên không chỉ dừng lại ở lý thuyết mà cần sự trải nghiệm thực tế tại các cơ sở mầm non điển hình. Nghiên cứu này vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định, đặc biệt là hiện tượng lệch mẫu trong quá trình khảo sát thuận tiện dẫn đến sự chênh lệch lớn về tỷ lệ sinh viên theo nguyên quán. Mặc dù tác giả đã sử dụng các phép kiểm định bổ sung để đảm bảo tính chính xác của các so sánh thống kê, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng cỡ mẫu và cân bằng các đặc điểm nhân khẩu học để có cái nhìn toàn diện hơn về năng lực ứng dụng phương pháp Reggio Emilia của sinh viên mầm non trên bình diện rộng.

#### Lời cảm ơn

*Nội dung bài báo hoàn toàn phù hợp với mục tiêu và nội dung của đề tài cơ sở mã số: T2025 - 38CB. Tác giả xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Tây Nguyên đã hỗ trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này.*

## EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS' COMPETENCE IN IMPLEMENTING THE REGGIO EMILIA APPROACH IN LEARNING ACTIVITY DESIGN

Nguyen Thi Thuy Tien<sup>1</sup>

Received Date: 09/12/2025; Revised Date: 21/12/2025; Accepted for Publication: 15/01/2026

### ABSTRACT

The study aims to assess the level of awareness and the ability to apply the Reggio Emilia approach in teaching among Early Childhood Education students. Using a quantitative survey method, a questionnaire was administered to 255 students from three cohorts. The Reggio Emilia philosophy operates on a system of core principles rooted in profound humanism: viewing children as the center of all educational activities with absolute respect; designing environmental spaces to function as the 'third teacher'; prioritizing the project-based learning model; establishing the teacher's role as a partner and co-researcher with children; and fostering close collaboration within the educational community (Edwards, Gandini & Forman, 1998; Rinaldi, 2006). The findings show that students' understanding of the Reggio Emilia approach is only at an average level; while they grasp certain aspects such as core principles, procedural steps, and the educational significance of the approach, their knowledge remains limited in key areas

<sup>1</sup>Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Nguyen Thi Thuy Tien; Email: ntttien@ttn.edu.vn.

including the role of teachers, symbolic representations, and implementation tools. Their application skills are also at an average level ( $M = 3.28$ ), with observation and active listening to children being the most effectively demonstrated, whereas other skills have not been applied proficiently. Based on these results, the study proposes integrating Reggio Emilia content more strongly into the curriculum, improving practical learning environments, and enhancing lecturers' competencies in order to better support students in effectively applying the approach in early childhood teaching.

**Keywords:** *competence; Reggio Emilia approach; early childhood education students; teaching and learning activities.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Biermeier, M. A. (2015). Inspired by Reggio Emilia: Emergent curriculum in relationship-driven learning environments. *Young Children*, 70(5), 72–79.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).
- Edwards, C., Gandini, L., & Forman, G. (Eds.). (1998). The hundred languages of children: The Reggio Emilia experience in transformation (3rd ed.). *Praeger*.
- Gandini, L. (2012). Foundations of the Reggio Emilia approach. In C. Edwards, L. Gandini, & G. Forman (Eds.), *The hundred languages of children: The Reggio Emilia experience in transformation* (pp. 27–71). *Praeger*.
- Hoàng, H. B. (2015). Năng lực và đánh giá theo năng lực. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 6(71).
- Hoàng, Q. N. (2023). Thách thức trong việc vận dụng phương pháp Reggio Emilia vào hoạt động dạy học ở trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục và Xã hội*, 24(3), 89–96.
- Lê, M. T. (2022). Môi trường giáo dục theo triết lý Reggio Emilia và khả năng vận dụng tại các cơ sở giáo dục mầm non Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 18(4), 72–80.
- Nguyễn, P. A. (2020). Năng lực tổ chức hoạt động dự án theo quan điểm Reggio Emilia của sinh viên sư phạm mầm non. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, 17(6), 112–123.
- OECD. (2005). *The definition and selection of key competencies: Executive summary*. OECD Publishing.
- Rinaldi, C. (2006). In dialogue with Reggio Emilia: Listening, researching and learning. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203317730>.
- Sternberg, R. J., & Grigorenko, E. L. (Eds.). (2003). *The psychology of abilities, competencies, and expertise*. Cambridge University Press.
- Trần, T. H. (2021). Ứng dụng tiếp cận Reggio Emilia trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 512(2), 35–39.
- Vecchi, V. (2010). *Art and creativity in Reggio Emilia: Exploring the role and potential of ateliers in early childhood education*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203854679>